

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2021

Đơn vị được giám sát: Công ty Cổ phần Nước sạch tỉnh Lai Châu
(Kèm theo Báo số: /BC-UBND ngày /5/2022 của UBND tỉnh Lai Châu)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp có vốn góp

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200000230 (thay đổi lần 4 ngày 13/6/2017).

- Vốn điều lệ: 215.865 triệu đồng.

- Vốn góp đến 31/12/2021: 215.865 triệu đồng, tỷ lệ nhà nước nắm giữ 97,85% bằng 211.219,14 triệu đồng (theo Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh).

- Cơ cấu quản trị doanh nghiệp theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc.

+ Hội đồng quản trị: 05 người (01 Chủ tịch, 04 thành viên).

+ Ban kiểm soát: 03 người (01 Trưởng ban, 02 thành viên).

+ Ban điều hành: Ban Giám đốc.

+ Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác xử lý nước và cung cấp nước sạch sinh hoạt; thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông; quản lý, vận hành các công trình thủy điện; đầu tư các dự án cấp nước.

2. Thông tin người đại diện

- Họ và tên: Vi Văn Chung - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Số CCCD: 011075005090 Ngày cấp 09/5/2021 tại Cục CSQLHCVTTXH.

- Hộ khẩu thường trú: Phường Tân Phong - TP Lai Châu - tỉnh Lai Châu

3. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn

Doanh nghiệp bảo toàn và sử dụng vốn có hiệu quả, tạo công ăn việc làm cho người lao động và có thu nhập ổn định.

4. Đánh giá việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

- Hoạt động đầu tư vốn, tài sản của doanh nghiệp và hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không.

- Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động, phát hành trái phiếu: Không.

- Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ doanh nghiệp:

+ Công ty đã thực hiện quản lý và sử dụng tài sản theo quy định (Trong năm đã đầu tư các dự án hình thành tài sản cố định là 14,566 tỷ đồng, cho 23 hạng mục công trình).

+ Quản lý nợ: Công ty có kế hoạch thu hồi và chi trả theo định kỳ, tính đến 31/12/2021, số nợ phải thu 4.739 triệu đồng, nợ phải trả 18.644 triệu đồng (gồm trả ngắn hạn khách hàng, thuế và các khoản phải nộp nhà nước, trả người lao động, phải trả ngắn hạn khác, quỹ khen thưởng phúc lợi).

+ Khả năng thanh toán nợ đến hạn = Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn: 24.298 triệu đồng/18.644 triệu đồng = 1,303 lần.

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 18.644 triệu đồng/216.542 triệu đồng = 0,0861 lần.

- Tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp đến kỳ báo cáo:

+ Luồng tiền vào: 22.518 triệu đồng, bao gồm: Lợi nhuận trước thuế 486 triệu đồng, khấu hao tài sản cố định 13.906 triệu đồng, các khoản dự phòng 71 triệu đồng, lãi hoạt động đầu tư 932 triệu đồng, chi phí trả trước 176 triệu đồng, thu từ hoạt động kinh doanh 13 triệu đồng, thu từ thanh lý nhượng bán tài sản 13 triệu đồng, thu hồi cho vay bán công cụ nợ 6.909 triệu đồng, thu từ lãi cho vay 12 triệu đồng.

+ Luồng tiền ra: 21.538 triệu đồng, bao gồm: Chi phí lãi vay 1 triệu đồng, các khoản phải thu 625 triệu đồng, hàng tồn kho 212 triệu đồng, các khoản phải trả 1.734 triệu đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp 129 triệu đồng, chi phí mua sắm tài sản cố định 10.596 triệu đồng, chi cho vay mua công cụ nợ 8.018 triệu đồng, cổ tức lợi nhuận đã trả cho vốn chủ sở hữu 223 triệu đồng.

+ Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ: 981 triệu đồng.

+ Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ: 313 triệu đồng.

+ Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ: 1.294 triệu đồng.

5. Tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Tổng doanh thu: 40.202 triệu đồng, tăng 11,9% so với năm 2020 bao gồm: Doanh thu bán hàng 39.345 triệu đồng; doanh thu từ hoạt động tài chính 624,6 triệu đồng; thu nhập khác 231,8 triệu đồng.

- Tổng chi phí: 39.817 triệu đồng, chiếm 99% doanh thu, bao gồm: Giá vốn hàng bán 30.662 triệu đồng; chi phí bán hàng 99,6 triệu đồng; chi phí quản lý doanh nghiệp 7.973 triệu đồng; chi phí khác 979,6 triệu đồng; chi phí thuế TNDN hiện hành 101,7 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 486 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế: 384 triệu đồng.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE): 384 triệu đồng/216.542 triệu đồng = 0,178 %.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA): 384 triệu đồng/235.186 triệu đồng = 0,164 %.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Số thuế năm trước chuyển sang 357 triệu đồng, số phát sinh phải nộp trong năm 3.334,9 triệu đồng, số đã nộp trong kỳ 3.367,2 triệu đồng, số còn lại phải nộp 324,7 triệu đồng.

- Thực hiện kế hoạch thoái vốn, thu hồi vốn nhà nước, thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ doanh nghiệp (tỷ lệ cổ tức được chia, giá trị, số cổ tức thực nhận):

+ Công ty tiếp tục thực hiện thoái vốn theo kế hoạch.

+ Cổ tức được chia của doanh nghiệp: 223 triệu đồng (trả cổ tức cho chủ sở hữu).

- Chế độ báo cáo tài chính đã thực hiện theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh. Tuy nhiên Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính.

6. Những vướng mắc khó khăn của doanh nghiệp

- Mạng lưới cấp nước tại các đô thị gần như đã phủ kín, chỉ còn lại những khu vực có địa hình phức tạp, chênh cao so với mặt bằng cấp nước chung, dân cư thưa thớt. Mặt khác, suất đầu tư cho hệ thống cấp nước các vùng này rất cao, không đảm bảo được các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp, phải bù chéo chi phí giữa các vùng.

- Trong năm, dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như doanh thu, sản lượng nước do sụt giảm của các nhóm ngành du lịch, dịch vụ, sản xuất.

7. Đánh giá nhận xét

- Công ty đã cơ bản thực hiện tốt: Xây dựng chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh được Đại hội cổ đông thông qua, thực hiện nộp thuế, nộp báo cáo tài chính, báo cáo giám sát và các loại báo cáo khác cơ bản đúng thời gian quy định.

- Công ty kinh doanh, bảo toàn được vốn nhà nước, kinh doanh có lãi nhưng không cao so với tổng nguồn vốn hiện có.

- Năm 2021, tiếp tục thoái vốn nhà nước tại Công ty theo Kế hoạch.